

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2024-2025
Trường :	Tiểu học Yết Kiêu

1. Chất lượng giáo dục

[illegible]

7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Hoàn thành tốt		425	76	38				93	50	1	1		73	39				95	52	1			88	50			
Hoàn thành		224	43	15				38	11				34	14				57	18				52	10			
Chưa hoàn thành																											
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Hoàn thành tốt		422	76	38				95	52	1	1		72	40				91	47	1			88	52			
Hoàn thành		227	43	15				36	9				35	13				61	23				52	8			
Chưa hoàn thành																											
9. Hoạt động trải nghiệm	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Hoàn thành tốt		435	71	33				99	52	1	1		70	39				98	51	1			97	50			
Hoàn thành		214	48	20				32	9				37	14				54	19				43	10			
Chưa hoàn thành																											
10. Giáo dục thể chất	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Hoàn thành tốt		478	80	40				98	51	1	1		79	40				126	65	1			95	48			
Hoàn thành		171	39	13				33	10				28	13				26	5				45	12			
Chưa hoàn thành																											
11. TH-CN (Công nghệ)	400	399											107	53				152	70	1			140	60			
Hoàn thành tốt		247											74	39				95	52	1			78	43			
Hoàn thành		152											33	14				57	18				62	17			
Chưa hoàn thành																											
12. TH-CN (Tin học)	652	399											107	53				152	70	1			140	60			
Hoàn thành tốt		247											73	40				95	51	1			79	44			
Hoàn thành		152											34	13				57	19				61	16			
Chưa hoàn thành																											
13. Ngoại ngữ	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Hoàn thành tốt		392	81	42				81	43	1	1		69	37				89	48	1			72	37			
Hoàn thành		257	38	11				50	18				38	16				63	22				68	23			
Chưa hoàn thành																											
14. Tiếng dân tộc																											
Hoàn thành tốt																											
Hoàn thành																											
Chưa hoàn thành																											
II. Năng lực cốt lõi																											
Năng lực chung																											
Tự chủ và tự học	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Tốt		419	89	41				86	46	1	1		75	42				89	46	1			80	40			
Đạt		228	28	12				45	15				32	11				63	24				60	20			

Cần cố gắng		2	2																								
Giao tiếp và hợp tác	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		423	74	34				94	48	1	1		84	46				89	46	1				82	41		
Đạt		224	43	19				37	13				23	7				63	24					58	19		
Cần cố gắng		2	2																								
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		402	68	30				89	48	1	1		84	44				88	45	1				73	38		
Đạt		245	49	23				42	13				23	9				64	25					67	22		
Cần cố gắng		2	2																								
Năng lực đặc thù																											
Ngôn ngữ	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		425	73	33				92	51	1	1		79	41				91	45	1				90	44		
Đạt		221	44	20				39	10				28	12				60	24					50	16		
Cần cố gắng		3	2															1	1								
Tính toán	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		427	73	32				99	50	1	1		75	41				91	47	1				89	44		
Đạt		219	44	21				32	11				32	12				60	22					51	16		
Cần cố gắng		3	2															1	1								
Tin học	400	399											107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		257											77	43				95	50	1				85	42		
Đạt		142											30	10				57	20					55	18		
Cần cố gắng																											
Công nghệ	400	399											107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		266											76	42				102	52	1				88	44		
Đạt		133											31	11				50	18					52	16		
Cần cố gắng																											
Khoa học	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		443	69	30				88	47	1	1		79	43				102	50	1				105	52		
Đạt		205	49	23				43	14				28	10				50	20					35	8		
Cần cố gắng		1	1																								
Thẩm mỹ	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		417	71	33				89	47	1	1		76	43				89	46	1				92	53		
Đạt		231	47	20				42	14				31	10				63	24					48	7		
Cần cố gắng		1	1																								
Thể chất	652	649	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1				140	60		
Tốt		454	78	35				98	52	1	1		77	43				94	46	1				107	52		
Đạt		194	40	18				33	9				30	10				58	24					33	8		

Cần cố gắng		<i>1</i>	1																								
<i>III. Phẩm chất chủ yếu</i>																											
<i>Yêu nước</i>	<i>652</i>	<i>649</i>	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Tốt		<i>565</i>	95	45				112	55	1	1		100	51				118	61	1			140	60			
Đạt		<i>84</i>	24	8				19	6				7	2				34	9								
Cần cố gắng																											
<i>Nhân ái</i>	<i>652</i>	<i>649</i>	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Tốt		<i>561</i>	94	45				110	54	1	1		95	51				122	61	1			140	60			
Đạt		<i>88</i>	25	8				21	7				12	2				30	9								
Cần cố gắng																											
<i>Chăm chỉ</i>	<i>652</i>	<i>649</i>	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Tốt		<i>453</i>	94	45				102	53	1	1		77	44				98	52	1			82	42			
Đạt		<i>196</i>	25	8				29	8				30	9				54	18				58	18			
Cần cố gắng																											
<i>Trung thực</i>	<i>652</i>	<i>649</i>	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Tốt		<i>498</i>	94	45				111	54	1	1		84	46				107	56	1			102	54			
Đạt		<i>151</i>	25	8				20	7				23	7				45	14				38	6			
Cần cố gắng																											
<i>Trách nhiệm</i>	<i>652</i>	<i>649</i>	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
Tốt		<i>474</i>	88	43				106	54	1	1		81	46				103	55	1			96	50			
Đạt		<i>175</i>	31	10				25	7				26	7				49	15				44	10			
Cần cố gắng																											
<i>IV. Đánh giá KQGD</i>	<i>652</i>	<i>649</i>	119	53				131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60			
- Hoàn thành xuất		<i>228</i>	48	20				56	34	1	1		44	30				40	25				40	24			
- Hoàn thành tốt□		<i>122</i>	18	9				25	12				20	6				34	16	1			25	11			
- Hoàn thành □		<i>296</i>	51	24				50	15				43	17				77	28				75	25			
- Chưa hoàn thành □		<i>3</i>	2															1	1								
<i>V. Khen thưởng</i>		<i>351</i>	66	29				81	46	1	1		64	36				74	41	1			66	36			
- Giấy khen cấp trường		<i>350</i>	66	29				81	46	1	1		64	36				74	41	1			65	35			
- Giấy khen cấp trên		<i>1</i>																				1	1				
<i>VI. HSDT được trợ giảng</i>																											
<i>VII. HS.K.Tật</i>		<i>3</i>	2	1			2											1				1					
<i>VIII. HS bỏ học kỳ II</i>																											
+ Hoàn cảnh GDKK																											
+ KK trong học tập																											
+ Xa trường, đi lại K.khăn																											
+ Thiên tai, dịch bệnh																											

+ Nguyên nhân khác																												
IX. Chương trình lớp học	651	651	121	54			2	131	61	1	1		107	53				152	70	1			140	60				
Hoàn thành	646	646	117	53				131	61	1	1		107	53				151	69	1			140	60				
Chưa hoàn thành	5	5	4	1			2											1	1									

Người lập biểu

Yết Kiêu, ngày 26 tháng 5 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)



TRƯỜNG
TIỂU HỌC
YẾT KIÊU

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Phương